

Số: 1804/2020/QĐST-HNGĐ

Bình Thạnh, ngày 05 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1674/2020/TLST-VHNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Võ Văn T;

- Bà Lê Thị T1;

Cùng hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Quảng Ngãi.

Cùng địa chỉ tạm trú: Đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ khÔng T ngày 28/10/2020, người yêu cầu là ông Võ Văn T và bà Lê Thị T1 đã thỏa thuận được các nội dung như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn T và bà Lê Thị T1 thuận tình ly hôn.

[2] Về việc nuôi con chung: Ông Võ Văn T và bà Lê Thị T1 cùng thống nhất xác định: Ông, Bà có 01 con chung tên Võ Minh T2, sinh ngày 26/02/2012. Ông T và bà T1 cùng thống nhất giao con chung tên Võ Minh T2, sinh ngày 26/02/2012 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do Ông T và bà T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Võ Văn T và bà Lê Thị T1 cùng thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Võ Văn T và bà Lê Thị T1 cùng thống nhất xác định không có nợ ai.

[5] Lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn T và bà Lê Thị T1 phải đóng theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ khÔng T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn T và bà Lê Thị T1 thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 22/02/2010 không còn giá trị pháp lý).

- Về việc nuôi con chung: Ông Võ Văn T và bà Lê Thị T1 cùng thống nhất xác định: Ông, Bà có 01 con chung tên Võ Minh T2, sinh ngày 26/02/2012.

Ông T và bà T1 cùng thống nhất thỏa thuận như sau: Giao con chung tên Võ Minh T2, sinh ngày 26/02/2012 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do Ông T và bà T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung chưa thành niên. Vì quyền lợi của con khi cần thiết Ông T hoặc bà T1 được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Võ Văn T và bà Lê Thị T1 cùng thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Võ Văn T và bà Lê Thị T1 cùng thống nhất xác định không có nợ ai.

2. Lệ phí dân sự sơ thẩm: Là 300.000 đồng, ông Võ Văn T và bà Lê Thị T1 phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà Ông T và bà T1 đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0088613 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- UBND xã N, huyện P, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Linh Dũng